

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2020

“V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Lộc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Lương

Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 29/4/2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ, Khu, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về tình cảm:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/01/2020 và qua quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày: Anh Trần Quốc T và chị Đặng Thị Th có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2011 tại UBND xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian vợ chồng chung sống thấy tình cảm không hợp nhau, không có tiếng nói chung, hai bên đã nhiều lần hoà giải nhưng không thể chung sống cùng nhau được. Nên hai bên đã ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn chị Th.

* Ý kiến của bị đơn chị Đặng Thị Th trình bày: Ngày tháng năm kết hôn đúng như anh T trình bày. Quá trình chung sống anh, chị vẫn quan tâm đến nhau,

cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên đã ly thân nhau từ năm tháng 12/2018 cho đến nay, nguyện vọng xin được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Anh Trần Quốc T và chị Đặng Thị Th trình bày anh, chị có một con chung cháu Trần Anh Th, sinh ngày 20/5/2012.

Ý kiến anh T, chị Th sau khi ly hôn giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng anh T đóng góp tiền nuôi con 1.000.000đ/ tháng.

3. Về chia tài sản: Anh Trần Quốc T, chị Đặng Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Quốc T có đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn giữa anh và chị Th, chị Th có địa chỉ cư trú tại xã Đ, thành phố Đồng Hới. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh, chị theo quy định của pháp luật. Ngày 19/3/2020, anh T có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, đồng thời đề nghị xét xử vắng mặt, Toà án không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2020 và tổng đạt giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T, chị Th đến tham gia phiên tòa vào ngày 29/4/2020 chị Th có mặt tại phiên toà, anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Toà án, đơn đề ngày 23/4/2020. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trần Quốc T và chị Đặng Thị Th có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2011 tại UBND xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, theo giấy đăng ký kết hôn số 66, quyển số 01/2011, việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa anh T và chị Th là hợp pháp. Tại phiên toà anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên lời khai của anh đã trình bày tại đơn xin ly hôn đề ngày 30/01/2020 và bản tự khai đề ngày 15/3/2020 gửi Toà án, có nội dung: Anh T xác định tình cảm của anh với chị Th hiện nay thật sự không còn thương yêu nhau, không thể xây dựng hạnh phúc gia đình, đã ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay nên anh muốn xin ly hôn chị Th. Đối với chị Th cho rằng anh, chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay nên cũng xin ly hôn anh T. Qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh, chị đến để hòa giải việc xin ly hôn giữa anh, chị nhưng anh T có đơn đề nghị không hoà

giải. Anh, chị cũng sống ly thân không quan tâm đến nhau nhiều năm nay. Xác định được tình trạng hôn nhân của anh, chị không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không ai quan tâm ai ngoài ra anh, chị cũng sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay. Do đó, xử cho anh Trần Quốc T và chị Đặng Thị Th được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh Trần Quốc T và chị Đặng Thị Th có một con chung cháu Trần Anh Th, sinh ngày 20/5/2012. Hiện nay cháu đang ở cùng chị Th từ khi vợ chồng ly thân. Sau khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng và đóng góp tiền nuôi con 1.000.000đ/ tháng, chị Th thống nhất theo ý kiến của anh T. Do đó, giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng và yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về chia tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14.

Chị Đặng Thị Th không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006369 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Còn thiếu 300.000 đồng buộc anh Trần Quốc T phải nộp để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

2. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho ly hôn giữa anh Trần Quốc T và chị Đặng Thị Th.

3. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Trần Anh Th, sinh ngày 20/5/2012 cho chị Đặng Thị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Trần Quốc T đóng góp tiền nuôi con với chị Đặng Thị Th 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. Về chia tài sản: Anh T, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006369 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Còn thiếu 300.000 đồng buộc anh Trần Quốc Tuấn phải nộp để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hoàng Văn Lộc

